

Số: 109/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 192/2022/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Phạm Trần P, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm IV, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Anh T và anh Phạm Trần P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Phạm Trần P thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Tên Phạm Trọng H sinh ngày 19/4/2016 hiện tại anh P đang nuôi dưỡng.

Chị T và anh P thoả thuận quyền nuôi con như sau:

+ Anh Phạm Trần P được tiếp tục nuôi con chung Phạm Trọng H sinh ngày 19/4/2016 khi ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị T và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị T và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Anh T tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0008244 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Nguyễn Thị Anh T được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND thị trấn M; huyện Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh